TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 39 **Tại phòng: 304**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900001	9A3	Bùi Ngọc An	12-10-2004					
2	900002	9A2	Lê Khánh An	22-10-2004					
3	900003	9A3	Ngô Phương An	24-07-2004					
4	900004	9A4	Nguyễn Hải An	13-03-2004					
5	900005	9A3	Chu Quang Anh	25-09-2004					
6	900006	9A2	Đặng Nguyễn Hồng Anh	03-01-2004					
7	900007	9A1	Hoàng Anh Ngọc Anh	28-12-2004					
8	900008	9A3	Hoàng Lê Minh Anh	16-04-2004					
9	900009	9A6	Hoàng Ngọc Diệu Anh	10-04-2004					
10	900010	9A4	Mai Thái Anh	29-11-2004					
11	900011	9A1	Nguyễn Đức Nhật Anh	09-12-2004					
12	900012	9A4	Nguyễn Hải Anh	14-08-2004					
13	900013	9A3	Nguyễn Mai Anh	08-05-2004					
14	900014	9A2	Nguyễn Phạm Châu Anh	29-11-2004					
15	900015	9A6	Nguyễn Quốc Anh	20-04-2004					
16	900016	9A3	Nguyễn Thạch Trang Anh	26-09-2004					
17	900017	9A4	Nguyễn Trang Anh	19-02-2004					
18	900018	9A3	Nguyễn Tuấn Anh	03-08-2004					
19	900019	9A3	Nguyễn Văn Ngọc Anh	15-05-2004					
20	900020	9A4	Phạm Cẩm Anh	04-07-2004					
21	900021	9A1	Phạm Mai Thùy Anh	06-06-2004					
22	900022	9A1	Phạm Quang Anh	29-08-2004					
23	900023	9A5	Trần Đức Anh	12-04-2004					
24	900024	9A1	Trần Ngô Vân Anh	09-09-2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 40 **Tại phòng: 306**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900025	9A2	Trần Nhật Anh	20-12-2004					
2	900026	9A6	Trần Nhật Anh	06-11-2004					
3	900027	9A1	Lê Bảo Ân	25-01-2004					
4	900028	9A1	Vũ Duy Bách	06-12-2004					
5	900029	9A4	Nguyễn Thái Bảo	07-07-2004					
6	900030	9A3	Phạm Đức Bảo	09-01-2004					
7	900031	9A6	Mai Quốc Bình	16-07-2004					
8	900032	9A1	Nguyễn Thái Bình	02-01-2004					
9	900033	9A2	Trần Minh Châu	20-11-2004					
10	900034	9A4	Bùi Khánh Chi	26-12-2004					
11	900035	9A3	Nguyễn Bình Chi	19-10-2004					
12	900036	9A6	Nguyễn Hà Chi	04-06-2004					
13	900037	9A6	Nguyễn Kim Chi	15-10-2004					
14	900038	9A3	Phạm Quỳnh Chi	14-03-2004					
15	900039	9A4	Trần Thủy Chi	04-09-2004					
16	900040	9A3	Nguyễn Thành Công	08-04-2004					
17	900041	9A3	Nguyễn Tiến Cường	22-11-2004					
18	900042	9A6	Đặng Hiền Diệu	25-04-2004					
19	900043	9A4	Nguyễn Mạnh Dũng	17-10-2004					
20	900044	9A6	Lê Phúc Duy	25-06-2004					
21	900045	9A6	Nguyễn Viết Duy	24-03-2004					
22	900046	9A6	Lê Vũ Quý Dương	10-01-2004					
23	900047	9A2	Nguyễn Bạch Dương	16-12-2004					
24	900048	9A1	Nguyễn Thùy Dương	21-07-2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 41 **Tại phòng: 308**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900049	9A2	Vũ Nhật Dương	09-03-2004					
2	900050	9A1	Hoàng Đạt	17-01-2004					
3	900051	9A4	Bùi Hải Đăng	28-10-2004					
4	900052	9A5	Đinh Quang Đăng	21-05-2004					
5	900053	9A5	Đỗ Hải Đăng	11-03-2004					
6	900054	9A5	Nguyễn Hải Đăng	02-02-2004					
7	900055	9A6	Nguyễn Minh Đăng	03-03-2004					
8	900056	9A3	Cao Văn Đông	11-09-2004					
9	900057	9A3	Ngô Minh Đức	09-03-2004					
10	900058	9A2	Nguyễn Đỗ Minh Đức	17-09-2004					
11	900059	9A1	Nguyễn Trung Đức	26-12-2004					
12	900060	9A2	Nguyễn Hương Giang	11-10-2004					
13	900061	9A5	Vũ Hương Giang	08-11-2004					
14	900062	9A6	Hoàng Mỹ Hà	23-06-2004					
15	900063	9A4	Nguyễn Phạm Khánh Hà	19-09-2004					
16	900064	9A1	Trần Thanh Hà	20-11-2004					
17	900065	9A3	Đào Vĩnh Hải	01-07-2004					
18	900066	9A3	Lê Đức Hải	24-03-2004					
19	900067	9A5	Lưu Đỗ Đình Hải	08-12-2004					
20	900068	9A6	Nguyễn Tường Lan Hạnh	20-08-2004					
21	900069	9A2	Trần Nguyên Hạo	01-02-2004					
22	900070	9A3	Lý Thu Hằng	27-10-2003					
23	900071	9A6	Nguyễn Minh Hằng	18-10-2004					
24	900072	9A5	Hoàng Nam Hiển	01-07-2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 42 **Tại phòng: 309**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900073	9A3	Trần Phan Hiển	17-06-2004					
2	900074	9A3	Hoàng Huy Hiệu	13-01-2004					
3	900075	9A1	Nguyễn Vũ Huy Hoàng	18-10-2004					
4	900076	9A1	Vương Huy Hoàng	23-09-2004					
5	900077	9A5	Nguyễn Mạnh Hùng	21-10-2004					
6	900078	9A5	Trần Thế Hùng	10-04-2004					
7	900079	9A3	Đinh Quang Huy	19-09-2004					
8	900080	9A3	Đoàn Quốc Huy	23-08-2004					
9	900081	9A4	Đỗ Đức Huy	06-01-2004					
10	900082	9A6	Nguyễn Công Huy	15-12-2004					
11	900083	9A1	Nguyễn Đình Anh Huy	23-08-2004					
12	900084	9A6	Nguyễn Quang Huy	16-06-2004					
13	900085	9A6	Nguyễn Quốc Huy	08-08-2004					
14	900086	9A2	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	19-11-2004					
15	900087	9A5	Mạc Đình Hưng	03-12-2004					
16	900088	9A3	Phùng Mai Hương	06-01-2004					
17	900089	9A1	Trần Linh Hương	25-11-2004					
18	900090	9A1	Mạc Quang Khải	31-10-2004					
19	900091	9A4	Lê Hoàng Khang	20-04-2004					
20	900092	9A2	Nguyễn Năng Khánh	28-10-2004					
21	900093	9A6	Nguyễn Bá Khiêm	04-08-2004					
22	900094	9A4	Vũ Đinh Ngọc Khuê	29-12-2004					
23	900095	9A5	Mai Tuấn Kiên	15-11-2004					
24	900096	9A5	Lê Minh Kiệt	01-01-2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 43 **Tại phòng: 310**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900097	9A2	Nguyễn Hoàng Lâm	19-12-2004					
2	900098	9A4	Nguyễn Thanh Lâm	04-11-2004					
3	900099	9A5	Nguyễn Tuệ Lâm	11-09-2004					
4	900100	9A2	Phan Phúc Lâm	15-09-2004					
5	900101	9A1	Võ Tùng Lâm	09-11-2004					
6	900102	9A2	Bùi Khánh Linh	25-03-2004					
7	900103	9A4	Bùi Lê Tùng Linh	21-04-2004					
8	900104	9A4	Đoàn Gia Linh	29-07-2004					
9	900105	9A5	Đỗ Huyền Linh	30-07-2004					
10	900106	9A1	Hoa Huyền Diệu Linh	14-10-2004					
11	900107	9A2	Hoàng Hà Linh	08-09-2004					
12	900108	9A6	Nguyễn Đình Khánh Linh	18-07-2004					
13	900109	9A4	Nguyễn Gia Linh	11-04-2004					
14	900110	9A4	Nguyễn Hà Trang Linh	23-04-2004					
15	900111	9A1	Nguyễn Mai Linh	20-03-2004					
16	900112	9A6	Nguyễn Mai Linh	19-03-2004					
17	900113	9A1	Nguyễn Nhật Linh	05-09-2004					
18	900114	9A3	Nguyễn Trần Phương Linh	09-08-2004					
19	900115	9A2	Nguyễn Tú Linh	18-03-2004					
20	900116	9A4	Phạm Khánh Linh	31-10-2004					
21	900117	9A5	Trần Khánh Linh	16-10-2004					
22	900118	9A3	Trương Phương Linh	01-09-2004					
23	900119	9A2	Vũ Khánh Linh	25-08-2004					
24	900120	9A2	Vũ Việt Ái Linh	11-12-2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 44 **Tại phòng: 311**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900121	9A5	Đào Nguyễn Đức Long	14-05-2004					
2	900122	9A5	Hoàng Long	07-07-2004					
3	900123	9A6	Nguyễn Hoàng Long	02-01-2004					
4	900124	9A4	Bùi Phương Mai	04-01-2004					
5	900125	9A2	Nguyễn Hoàng Mai	23-12-2004					
6	900126	9A5	Nguyễn Thanh Mai	25-11-2004					
7	900127	9A1	Hoàng Xuân Mạnh	24-08-2004					
8	900128	9A4	Cao Nguyên Hồng Minh	30-09-2004					
9	900129	9A5	Dương Quốc Minh	10-11-2004					
10	900130	9A6	Đặng Xuân Minh	02-09-2004					
11	900131	9A5	Giáp Đức Minh	14-06-2004					
12	900132	9A5	Hoàng Trần Tuấn Minh	24-07-2004					
13	900133	9A2	Lê Quang Minh	15-09-2004					
14	900134	9A6	Lê Quang Minh	17-08-2004					
15	900135	9A6	Ngô Thị Ngọc Minh	24-11-2004					
16	900136	9A2	Nguyễn Bình Minh	24-02-2004					
17	900137	9A6	Nguyễn Đình Minh	14-05-2004					
18	900138	9A6	Nguyễn Ngọc Hiền Minh	21-01-2004					
19	900139	9A1	Nguyễn Nhật Minh	06-08-2004					
20	900140	9A5	Nguyễn Nữ Nguyệt Minh	29-10-2004					
21	900141	9A2	Nguyễn Quang Minh	06-04-2004					
22	900142	9A1	Nguyễn Văn Tuấn Minh	04-08-2004					
23	900143	9A2	Nguyễn Vũ Duy Minh	03-11-2004					
24	900144	9A6	Phạm Ngọc Minh	06-08-2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 45 **Tại phòng: 312**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900145	9A2	Phạm Tuấn Minh	12-06-2004					
2	900146	9A1	Trần Quang Minh	07-08-2004					
3	900147	9A2	Nguyễn Trà My	12-08-2004					
4	900148	9A4	Lê Quốc Nam	18-10-2004					
5	900149	9A6	Nguyễn Hải Nam	18-01-2004					
6	900150	9A6	Nguyễn Thế Nam	28-01-2004					
7	900151	9A4	Phạm Văn Nam	12-05-2004					
8	900152	9A1	Trần Gia Nam	18-12-2004					
9	900153	9A5	Bùi Kim Ngân	17-12-2004					
10	900154	9A5	Vũ Hoàng Ngân	14-07-2004					
11	900155	9A2	Đỗ Thành Nghĩa	06-05-2004					
12	900156	9A6	Nguyễn Tuấn Nghĩa	06-03-2004					
13	900157	9A5	Nguyễn Văn Nghĩa	20-10-2004					
14	900158	9A4	Trần Khôi Nguyên	19-10-2004					
15	900159	9A3	Đỗ Bảo Nhi	20-08-2004					
16	900160	9A3	Lại Ngọc Nhi	15-01-2004					
17	900161	9A1	Nguyễn Phương Nhi	20-07-2004					
18	900162	9A6	Nguyễn Yến Nhi	01-09-2004					
19	900163	9A3	Nguyễn Trang Nhung	14-05-2004					
20	900164	9A4	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	16-05-2004					
21	900165	9A2	Phó An Ninh	18-05-2004					
22	900166	9A2	Lê Xuân Phong	23-06-2004					
23	900167	9A4	Nguyễn Hữu Phong	29-02-2004					
24	900168	9A4	Nguyễn Tuấn Phong	15-12-2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 46 **Tại phòng: 313**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900169	9A5	Đào Thanh Phúc	25-03-2004					
2	900170	9A4	Nguyễn Gia Phúc	29-04-2004					
3	900171	9A4	Nguyễn Ngọc Phúc	14-03-2004					
4	900172	9A5	Đỗ Xuân Phương	03-11-2004					
5	900173	9A3	Hoàng Thủy Phương	11-03-2004					
6	900174	9A2	Nguyễn Mai Phương	09-12-2004					
7	900175	9A5	Phạm Hoàng Nam Phương	11-12-2004					
8	900176	9A4	Trần Nguyễn Mai Phương	02-12-2004					
9	900177	9A2	Bùi Minh Quang	29-12-2004					
10	900178	9A4	Chu Đăng Quang	28-09-2004					
11	900179	9A5	Lê Anh Quang	27-05-2004					
12	900180	9A3	Nguyễn Nhật Quang	29-08-2004					
13	900181	9A4	Đỗ Hương Quân	19-03-2004					
14	900182	9A4	Hoàng Quân	11-03-2004					
15	900183	9A2	Nguyễn Đàm Quân	15-05-2004					
16	900184	9A4	Nguyễn Hữu Quân	07-02-2004					
17	900185	9A3	Nguyễn Minh Quân	19-03-2004					
18	900186	9A5	Nguyễn Minh Quân	07-09-2004					
19	900187	9A1	Phạm Minh Quân	30-01-2004					
20	900188	9A1	Vũ Nam Quân	05-12-2004					
21	900189	9A1	Đoàn Tố Quyên	09-12-2004					
22	900190	9A2	Đặng Xuân Quỳnh	30-05-2004					
23	900191	9A5	Nguyễn Thị Diệu Quỳnh	07-02-2004					
24	900192	9A4	Nguyễn Linh San	28-05-2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 47 **Tại phòng: 314**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900193	9A5	Nguyễn Tuấn Sơn	27-02-2004					
2	900194	9A5	Trần Nguyễn Khánh Sơn	02-01-2004					
3	900195	9A2	Nguyễn Minh Tâm	09-02-2004					
4	900196	9A6	Bùi Trọng Tấn	02-10-2004					
5	900197	9A5	Đinh Quốc Thái	20-11-2004					
6	900198	9A2	Lăng Xuân Thái	08-09-2004					
7	900199	9A4	Nguyễn Ngọc Thành	25-03-2004					
8	900200	9A5	Trần Nguyễn Nam Thành	13-08-2004					
9	900201	9A3	Vũ Phúc Thành	08-10-2004					
10	900202	9A2	Lê Thị Phương Thảo	24-08-2004					
11	900203	9A3	Nguyễn Phương Thảo	12-03-2004					
12	900204	9A1	Nguyễn Thu Thảo	16-05-2004					
13	900205	9A6	Nguyễn Vi Thảo	25-10-2004					
14	900206	9A2	Trần Phương Thảo	23-03-2004					
15	900207	9A3	Trần Phương Thảo	24-07-2004					
16	900208	9A1	Nguyễn Tiến Thắng	24-12-2004					
17	900209	9A1	Trịnh Tiểu Thiên	25-10-2004					
18	900210	9A5	Nguyễn Đình Thọ	26-06-2004					
19	900211	9A4	Dương Mai Thu	15-01-2004					
20	900212	9A6	Doãn Hồng Minh Thư	28-04-2004					
21	900213	9A5	Đỗ Khánh Thương	10-04-2004					
22	900214	9A5	Hồ Thanh Thủy Tiên	03-09-2004					
23	900215	9A1	Hoàng Trung Tiến	05-11-2004					
24	900216	9A2	Lưu Quốc Tiến	13-01-2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 48 **Tại phòng: 316**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900217	9A4	Lê Vũ Anh Toàn	31-12-2004					
2	900218	9A5	Kiều Thu Trang	14-07-2004					
3	900219	9A3	Mai Minh Trang	21-08-2004					
4	900220	9A6	Nguyễn Minh Trang	10-01-2004					
5	900221	9A6	Nguyễn Quỳnh Trang	02-03-2004					
6	900222	9A5	Phạm Hà Trang	22-03-2004					
7	900223	9A1	Trần Huyền Trang	11-07-2004					
8	900224	9A6	Trần Quỳnh Trang	01-02-2004					
9	900225	9A6	Trần Anh Trọng	08-10-2004					
10	900226	9A1	Lê Vũ Trung	26-01-2004					
11	900227	9A3	Vũ Minh Tuấn	16-02-2004					
12	900228	9A1	Đặng Thanh Vân	22-08-2004					
13	900229	9A2	Dương Đình Việt	21-10-2004					
14	900230	9A1	Nguyễn Thành Vinh	24-11-2004					
15	900231	9A3	Đỗ Nguyên Vũ	11-11-2004					
16	900232	9A1	Lê Đỗ Lâm Vũ	11-10-2004					
17	900233	9A1	Trần Anh Vũ	04-08-2004					
18	900234	9A6	Đỗ Khánh Vy	12-02-2004					
19	900235	9A5	Lục Phương Hà Vy	29-09-2004					
20	900236	9A2	Lê Hải Yến	19-01-2004					
21									
22									
23									
24									
25									